TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HS-ST
Ngày: 30-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Huỳnh Thanh Hòa
- *Các hội thẩm nhân dân*:
Ông Bùi Văn Dũng
Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Châu Nữ Thu Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa***: Ông Lê Thành Hiếu - Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2018/TLST-HS, ngày 04 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐXXST-HS, ngày 17 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

1/ Lương Đình T, sinh năm 1989, tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: Tổ A, khóm B, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 09/12, dân tộc: kinh, giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Đình H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1994; Có 02 con: lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, Tiền sự: không; Tạm giam: Ngày 22/3/2018. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

2/ Nguyễn Văn H (L), sinh năm 1985, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Tổ A, khóm B, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12, dân tộc: kinh, giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Bé N, sinh năm 1965 và bà Lê Thị L, sinh năm 1961; bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, Lê Thị H, sinh năm 1987; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 08/8/2017, bị Công an phường H, thành phố C xử phạt hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản" 1.500.000 đồng (chưa nộp phạt);

Tạm giữ: không; Tạm giam: Ngày 22/3/2018; Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

Bị hại:
1/ Lê Văn B, sinh năm 1985. Vắng mặt
Nơi cư trú: đường B, khóm D, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
2/ Nguyễn Thị U, sinh năm 1958. Vắng mặt
Nơi cư trú: đường B, khóm D, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
Người liên quan:
3/ Nguyễn Duy M, sinh năm 1951. Vắng mặt
Nơi cư trú: Khóm M, thị trấn T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 45 phút ngày 11/02/2018, Lương Đình T và Nguyễn Văn H đang uống rượu tại khu vực chợ Mỹ Ngãi, thuộc phường M, thành phố C. Trong lúc ngồi uống rượu T rủ H đi tìm mai kiểng để trộm bán lấy tiền tiêu xài tết thì H đồng ý. Sau đó, đến khoảng 23 giờ thì H điều khiển xe mô tô biển số 66P1-578.53 chở T đi tìm mai kiểng. Khi đến trước nhà của ông Lê Văn B số 14/32, hẻm 14, đường B thuộc khóm D, phường M, thành phố C, phát hiện có 01 cây mai vàng (cao 1,2m, hoàng thân gốc 33cm) để trên vỉa hè không người trông coi, T và H đến nhổ cây mai vàng cùng khiêng lên xe mô tô.

H điều khiển xe, còn T ngồi sau ôm cây mai dự định chạy về nhà trọ của T thuộc phường D, thành phố C thì H và T bị lực lượng Công an phường D phát hiện. Tại Công an phường D, T và H đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp như đã nêu trên.

Ngoài ra, Lương Đình T và Nguyễn Văn H còn khai nhận khoảng 23 giờ ngày 10/02/2018, T và H đã lấy trộm 01 cây mai vàng (cao 1,7m, hoành thân gốc 33cm) của bà Nguyễn Thị U ở số nhà 14/16, đường B thuộc khóm D, phường M, thành phố C, cây mai trên bà Út trồng trong chậu để trước nhà số 14/12, hẻm 14, đường B thuộc khóm D, phường M, thành phố C. Sau khi lấy trộm được cây mai, T và H đem cây mai đến khu đất trống ở gốc đường Bà Triệu và Nguyễn Trãi thuộc khu vực phường M cất giấu. Đến chiều ngày 11/02/2018, T và H bán cho ông Bùi Chí T (Hải), sinh năm 1979, ngụ ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp với giá 1.000.000 đồng, trừ chi phí 200.000 đồng, phần còn lại chia mỗi người 400.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 32 ngày 07/3/2018 và kết luận định giá tài sản số 36 ngày 09/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C đã kết luận: Cây mai vàng dáng trực lắc, cao 1,2m, hoành thân gốc 33cm. rễ nôm giá trị 5.000.000 đồng; Cây mai vàng dáng thường cao 1,7m, hoành thân gốc 33m, rễ thường giá trị 2.500.000 đồng.

Trong quá trình điều tra Công an thành phố C đã thu giữ 01 cây mai vàng trực lắc, cao 1,2m, hoàng thân gốc 33cm, rễ nôm, 01 cây mai vàng dáng thường cao 1,7m, hoàng thân gốc 33cm, rễ thường, 01 xe mô tô biển số 66P1-578.53, nhãn hiệu YMH, loại MAX, màu xanh và 531.000 đồng của H.

Ngày 12/02/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã trả lại 02 cây mai cho ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị U. Ông B và bà U đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu gì khác.

Anh Bùi Trí T không yêu cầu T và H bồi thường số tiền đã mua cây mai của T và H lấy trộm đem bán.

Đối với xe mô tô biển số 66P1-578.53 các bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản, đứng tên giấy chứng nhận là Nguyễn Duy M, xe trên T đã mua của anh M vào năm 2015 với giá 500.000 đồng. Hiện nay anh M không tranh chấp quyền sở hữu xe.

Đối với Bùi Trí T đã có hành vi mua cây mai vàng do T và H bán. Tuy nhiên do anh Bùi Trí T không biết cây mai trên là do T và H trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C không xử lý là phù hợp.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 03/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố C đã truy tố các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo Lương Đình T và Nguyễn Văn H đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lương Đình T và Nguyễn Văn H về tội trộm cắp tài sản.

Về tình tiết tăng nặng: Đối với các bị cáo Lương Đình T và Nguyễn Văn H thực hiện hành vi phạm tội 02 lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Lương Đình T và Nguyễn Văn H khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết được quy định theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt:

1/ Bị cáo Lương Đình T mức án từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù.

2/ Bị cáo Nguyễn Văn H mức án từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án tuyên buộc các bị cáo Lương Đình T và Nguyễn Văn H mỗi người nộp số tiền 500.000 đồng thu lợi từ việc phạm tội mà có.

Tiếp tục quản lý số tiền 531.000 đồng của Nguyễn Văn H để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô biển số 66P1-578.53, nhãn hiệu YMH, loại MAX, màu xanh do Lương Đình T và Nguyễn Văn H sử dụng vào việc phạm tội.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Văn H xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Lãnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Văn H, không có nghề nghiệp ổn định, tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng không tìm cho mình một công việc có thu nhập ổn định bằng chính công sức của mình, ngược lại các bị cáo lười lao động, thích hưởng thụ mà không cần phải bỏ công sức cực nhọc nên các bị cáo nảy sinh ý định tìm tài sản để trộm bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, cụ thể:

Khoảng 23 giờ ngày 10/02/2018, T và H đã lấy trộm 01 cây mai vàng (cao 1,7m, hoành thân gốc 33cm) của bà Nguyễn Thị U ở số nhà 14/16, đường B thuộc khóm D, phường M, thành phố C.

Tổng trị giá 02 cây mai các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Văn H trộm trị giá 7.500.000 đồng.

Khoảng 23 giờ, ngày 11/02/2018, H điều khiển xe mô tô biển số 66P1-578.53 chở T đi tìm mai kiểng. Khi đến trước nhà của ông Lê Văn B số 14/32, hẻm 14,

đường B thuộc khóm D, phường M, thành phố C, trộm 01 cây mai vàng (cao 1,2m, hoàng thân gốc 33cm)

[3] Tại phiên tòa, Viện kiểm sát xác định các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Văn H là người đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Lê Văn B vào ngày 11/02/2018, và bà Nguyễn Thị U vào ngày 10/02/2018.

Việc Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Văn H ra trước phiên tòa về hành vi phạm tội như đã nêu trên là có căn cứ, cũng như lời luận tội của kiểm sát viên đối với các bị cáo là đúng và phù hợp với lời khai của các bị cáo, người bị hại, người liên quan, người làm chứng cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận lời luận tội của kiểm sát viên đối với các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Văn H là đúng và hành vi của các bị cáo là có tội.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1/ Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…"

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương nơi xảy ra vụ án. Do đó, việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là việc làm cần thiết.

Các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Văn H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe để lao động nuôi sống bản thân, nhưng do bản thân không có nghề nghiệp ổn định, bản tính tham lam, nên đã có hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Do đó, các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Văn H phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Văn H thực hiện hành vi phạm tội 02 lần thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Văn H, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Buộc các bị cáo Lương Đình T và Nguyễn Văn H nộp sung Ngân sách Nhà nước, mỗi người nộp số tiền 500.000 đồng thu lợi từ việc phạm tội mà có.

Tiếp tục quản lý số tiền 531.000 đồng của Nguyễn Văn H để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô biển số 66P1-578.53, nhãn hiệu YMH, loại MAX, màu xanh do Lương Đình T và Nguyễn Văn H sử dụng vào việc phạm tội.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lương Đình T 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2018.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Buộc các bị cáo Lương Đình T và Nguyễn Văn H nộp sung Ngân sách Nhà nước, mỗi người nộp số tiền 500.000 đồng thu lợi từ việc phạm tội mà có

Tiếp tục quản lý số tiền 531.000 đồng của Nguyễn Văn H để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô biển số 66P1-578.53, nhãn hiệu YMH, loại MAX, màu xanh do Lương Đình T và Nguyễn Văn H sử dụng vào việc phạm tội.

Về án phí:

Các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị hại, người liên quan vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- VKSND TPCL;
- Công an TPCL;
- Tòa án tỉnh ĐT;
- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thanh Hòa